

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG
Bản án số: 77/2024/HS-ST
Ngày: 20/8/2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

Ông Lê Văn Tám.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Tín – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa:**
Ông Đặng Duy Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HS ngày 31/7/2024 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Lê Văn K, sinh ngày 15/10/1996 tại Tiền Giang. Nơi cư trú: **ấp C, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**. Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn H** và bà **Võ Thị N**; bị cáo chưa có vợ và chưa có con. Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/3/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Trần Quang T, sinh ngày 30/6/2000 tại Tiền Giang. Nơi cư trú: **ấp R, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**. Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Quang T1** và bà **Nguyễn Thị Đ**; bị cáo có vợ **Nguyễn Thị Huỳnh N1** và chưa có con. Tiền án: không. Tiền sự: không. Đặc điểm nhân thân: Ngày

10/02/2020, Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng theo Quyết định số 08/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 10/3/2021. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/3/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo Lê Thanh S, sinh ngày 16/01/1998 tại Tiền Giang. Nơi cư trú: **ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**. Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn B** (1962) và bà **Nguyễn Thị H1** (1963); bị cáo chưa có vợ và chưa có con. Tiền án: không. Tiền sự: 01. Ngày 31/8/2023, **Công an xã M, thị xã C** ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 34/QĐ-XPVPHC; chấp hành xong ngày 15/3/2024. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/3/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 20/8/2000 tại Tiền Giang. Nơi cư trú: **Ấp G, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**. Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Như Đ1** (1964) và bà **Đặng Thị C** (1963); bị cáo chưa có vợ và chưa có con. Tiền án: không. Tiền sự: 01. Ngày 17/12/2023, **Công an xã T, thị xã C** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quyết định số 14/QĐ-XPHC, chấp hành xong ngày 08/4/2024. Đặc điểm nhân thân: Ngày 14/11/2019, Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 01 năm theo Quyết định số 85/QĐ-TA; chấp hành xong ngày 26/5/2021. Ngày 20/12/2023, bị **Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C** quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo quyết định số 136/QĐ-UBND trong thời hạn 01 năm, chưa chấp hành xong. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/3/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 02/3/2024, tại nhà **Lê Văn K**, sinh năm 1996, địa chỉ **ấp C, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** tổ chức uống rượu cùng **Lê Thanh S**, sinh năm 1998, địa chỉ **ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**; **Trần Quang T**, sinh năm 2000, địa chỉ **ấp R, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang** và **Nguyễn Thanh T2**, sinh năm 2000, địa chỉ: **Ấp G, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**. Trong lúc uống rượu, **T** nói có đem theo ma túy và hỏi **K** có bộ dụng cụ sử dụng ma túy không lấy ra để **T** nấu lên cho anh em cùng sử dụng thì **K, T2, S** đồng ý. **K** đi ra sau bếp lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đưa cho **T**. **T** lấy ma túy bỏ vào **bộ D1** sử dụng ma túy nấu lên rồi sử dụng trước, sau đó đến lượt **T2, K, S** sử dụng. Qua một lượt sử dụng thì ma túy đã hết. Lúc này, **K, S, T2, T** đi ra phía trước nhà **K** ngồi uống rượu tiếp, khoảng 10 phút sau thì **T2** nói “Có nhiều đó ma túy sử dụng mắc công ngứa”. Nghe vậy, **K** lấy 300.000đồng ra nói đi mua ma túy về sử dụng chung thì **S, T, T2** đồng ý. **K** nói có ai hùn thêm cho đủ 500.000đồng để đi mua ma túy thì **S, T, T2** nói không có tiền. Lúc này, **K** nói ai biết chỗ mua ma túy thì đi mua, **S** nói biết chỗ mua ma túy. **S** lấy 300.000đồng rồi rủ **T2** cùng đi mua ma túy về sử dụng thì **T2** đồng ý.

S điều khiển xe mô tô 63FN-0072 chở **T2** đi mua ma túy đến khu vực **cầu K** thuộc **ấp K, xã M, thị xã C**; **S** gặp người phụ nữ tên thường gọi Bà **T3** mua 300.000đồng ma túy rồi về lại nhà **K**. Về đến nhà **K, S** lấy kéo cắt túi nilong đựng ma túy vừa mua rồi đưa cho **T**. **T** đổ toàn bộ ma túy vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy của **K** đưa trước đó rồi dùng bật lửa đốt ma túy lên sử dụng trước đến **T2** cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy lên tự nấu sử dụng; **K** kêu **S** nấu ma túy cho **K** sử dụng thì **S** dùng bật lửa nấu ma túy lên đưa cho **K** sử dụng sau đó **S** tự nấu ma túy lên sử dụng xong thì bị Công an vào kiểm tra bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ:

-01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm chai nhựa gắn nắp vàng, trên nắp có gắn ống hút nhựa và vỏ thủy tinh dạng phễu kích thước (13/4)cm. Bên trong phễu có chứa chất dạng tinh thể rắn, màu trắng nghi là ma túy.

-01 (một) cây kéo, loại kéo y tế đã qua sử dụng.

-01 (một) bật lửa đã qua sử dụng.

-01(một) mảnh nhựa không rõ hình dạng, kích thước (1,7x1)cm.

-01 (một) xe mô tô nhãn hiệu PEROLI loại xe nữ, màu sơn đỏ đen, biển số 63FN-0072.

-01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe AIRBLADE màu sơn đỏ đen, biển số 63B2-918.54

Tại kết luận giám định số 34/KL-KTHS ngày 04/3/2024 của **Phòng K1 Công an T4** kết luận: Các mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1180gam loại Methamphetamine.

Xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thị xã C** đã tiến hành xử lý vật chứng:

-Tra 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu PEROLI loại xe nữ, màu sơn đỏ đen, biển số 63FN-0072 cho anh **Lê Thanh D**, sinh năm 1989, địa chỉ: **ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**.

-Tra 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe AIRBLADE màu sơn đỏ đen, biển số 63B2-918.54 cho chị **Nguyễn Thị Huỳnh N1**, sinh năm 2001, địa chỉ: **ấp K, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**.

Tại Cáo trạng số 64/CT-VKSTXCL ngày 26/6/2024: bị cáo **Lê Văn K**, bị cáo **Trần Quang T** bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Bị cáo **Lê Thanh S**, bị cáo **Nguyễn Thanh T2** bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1

Điều 249 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân **thị xã C** đã truy tố đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo **K, T, S, T2** thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, riêng bị cáo **S** có thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

-Bị cáo **Lê Văn K**:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Văn K** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù,

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Văn K** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù,

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo **Lê Văn K** phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/3/2024.

-Bị cáo **Trần Quang T**:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trần Quang T** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù,

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trần Quang T** từ 07 năm 6 tháng đến 08 năm tù,

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo **Trần Quang T** phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2024.

-Bị cáo **Lê Thanh S**:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Thanh S** 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 255; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Thanh S** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù,

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo **Lê Thanh S** phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/3/2024.

-Bị cáo **Nguyễn Thanh T2**:

-Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T2** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù,

-Căn cứ điểm khoản 1 Điều 255; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T2** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù,

Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo **Nguyễn Thanh T2** phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2024.

-Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

-01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm chai nhựa gắn nắp vàng, trên nắp có gắn ống hút nhựa và vỏ thủy tinh dạng phễu kích thước (13/4)cm. Bên trong phễu có chứa chất dạng tinh thể rắn, màu trắng nghi là ma túy.

-01 (một) cây kéo, loại kéo y tế đã qua sử dụng.

-01 (một) bật lửa đã qua sử dụng.

-01(một) mảnh nhựa không rõ hình dạng, kích thước (1,7x1)cm.

Buộc bị cáo **K**, **T**, **S**, **T2** phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thị xã C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 02/3/2024, tại nhà bị cáo **K** tổ chức uống rượu cùng các bị cáo **S**, bị cáo **T**, bị cáo **T2**. Các bị cáo **Lê Văn K**, **Trần Quang T**, **Lê Thanh S**, **Nguyễn Thanh T2** có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhau cùng sử dụng, số ma túy còn chưa sử dụng hết có khối lượng 0,1180gam loại Methamphetamine. Ngoài ra, các bị cáo **K**, **T**, **T2**, **S** còn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng.

Tại kết luận định giám định số 34/KL-KTHS ngày 04/3/2024 của **Phòng K1 Công an T4** kết luận: Các mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1180gam loại Methamphetamine.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai tại biên bản bắt người phạm

tội quả tang nên có đủ căn cứ kết luận bị cáo **Lê Văn K**, bị cáo **Trần Quang T**, bị cáo **Lê Thanh S**, bị cáo **Nguyễn Thanh T2** đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, đã xâm phạm và làm ảnh hưởng đến chính sách quản lý kinh tế, an ninh quốc gia, gây mất trật tự trị an xã hội. Mặc dù bị cáo nhận thức được việc tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm và nếu vi phạm sẽ bị trừng trị nghiêm khắc nhưng bị cáo vẫn ngang nhiên tàng trữ trái phép chất ma túy và cho người khác cùng sử dụng ma túy bất chấp những quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã làm mất ổn định trật tự xã hội, duy trì và tạo điều kiện cho các tệ nạn xã hội phát triển làm ảnh hưởng đến việc giảm sút sức lao động trong toàn xã hội. Vì vậy, cần thiết phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nhằm tạo điều kiện cho bị cáo từ bỏ con đường nghiện ngập và tiếp tục cải tạo trở thành người tốt hơn đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội là đồng phạm giản đơn không có sự phân công cụ thể.

*[3.1] Đối với bị cáo **Lê Văn K**:*

Bị cáo là người tổ chức cung cấp tiền đi mua ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy và địa điểm thực hiện hành vi phạm tội. Khi bị cáo biết bị cáo **T** tàng trữ chất ma túy trong người nhằm mục đích sử dụng, bị cáo cung cấp dụng cụ để tổ chức sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng qua một lượt, bị cáo nghe bị cáo **T2** nói” có nhiều đó ma túy, sử dụng mắc công ngựa” thì bị cáo lấy tiền rủ các bị cáo còn lại bỏ tiền hùn thêm vào mua ma túy về sử dụng. Hành vi của bị cáo **K** đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật

hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xét thấy sau khi phạm tội bị cáo **K** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt. Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

*[3.2] Đối với bị cáo **Trần Quang T**:*

Bị cáo là người khởi xướng và là người giúp sức, thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và bị cáo chủ động hỏi bị cáo **K** có bộ dụng cụ để nấu ma túy lên cho mọi người cùng sử dụng. Sau khi sử dụng qua lượt số ma túy bị cáo đem theo đã hết, bị cáo **K** đưa tiền để mua ma túy, bị cáo **S** và bị cáo **T2** mua ma túy về thì bị cáo **S** cắt túi đựng ma túy đưa cho bị cáo đổ vào bộ dụng cụ và nấu lên cho các bị cáo cùng sử dụng. Hành vi của bị cáo **T** đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xét thấy sau khi phạm tội bị cáo **T** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Bị cáo **T** có nhân thân xấu, bị cáo bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo không sửa đổi mà tiếp tục vi phạm pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét về mức hình phạt của bị cáo ngang bằng với bị cáo **K**.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3].Đối với bị cáo **Lê Thanh S**:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức và người thực hiện. Bị cáo là người tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và bị cáo chở bị cáo **T2** mua ma túy về cùng sử dụng, bị cáo là người trực tiếp mua ma túy sau khi bị cáo **K** đưa tiền rủ các bị cáo hùn tiền vào mua ma túy cùng sử dụng. Khi bị cáo **K**, **T** tổ chức nấu ma túy lên cùng sử dụng thì bị cáo cùng sử dụng ma túy với các bị cáo. Hành vi của bị cáo **S** đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xét thấy sau khi phạm tội bị cáo **S** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, gia đình bị cáo là người có công với cách mạng (ông nội bị cáo - ông **Lê Văn S1** là liệt sĩ, cha bị cáo - ông **Lê Văn B** là thương binh 2/4) đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Bị cáo **S** có 01 tiền sự bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.4] Bị cáo **Nguyễn Thanh T2**:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức và người thực hiện. Bị cáo là người tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, khi bị cáo **K** đưa tiền mua ma túy thì bị cáo cùng bị cáo **S** đi mua ma túy về cùng tổ chức sử dụng. Khi bị cáo **K**, **T** tổ chức nấu ma túy lên cùng sử dụng thì bị cáo cùng sử dụng ma túy với các bị cáo. Hành vi của bị cáo **T2** đã phạm tội phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xét thấy sau khi phạm tội bị cáo **T2** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Bị cáo **T2** có nhân thân xấu, bị cáo bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và Ủy ban nhân dân xã áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy (bị cáo chưa chấp hành xong) nhưng bị cáo không sửa đổi mà tiếp tục vi phạm pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét về mức hình phạt của bị cáo ngang bằng với bị cáo **S**.

Bị cáo **T2** có 01 tiền sự bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.5] Về hình phạt bổ sung:

Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án:

Đối với vật chứng vụ án là dụng cụ tổ chức sử dụng ma túy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] *Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất mức độ phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo và đề nghị tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở như đã phân tích nên Hội đồng xét xử chấp nhận.*

[6] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1/Tuyên bố bị cáo **Lê Văn K**, **Trần Quang T**, **Lê Thanh S**, **Nguyễn Thanh T2** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

-Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Lê Văn K** 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/3/2024.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Lê Văn K** 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/3/2024.

*Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo **Lê Văn K** phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/3/2024.*

-Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Trần Quang T** 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 11/3/2024.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Trần Quang T** 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 11/3/2024.

*Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo **Trần Quang T** phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2024.*

-Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Lê Thanh S** 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/3/2024.

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Lê Thanh S** 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 03/3/2024.

*Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo **Lê Thanh S** phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/3/2024.*

-Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T2** 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12/3/2024.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử: Phạt bị cáo **Nguyễn Thanh T2** 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12/3/2024.

*Tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo **Nguyễn Thanh T2** phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2024.*

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2/. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

-01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm chai nhựa găng nắp vàng, trên nắp có gắn ống hút nhựa và vỏ thủy tinh dạng phễu kích thước (13/4)cm. Bên trong phễu có chứa chất dạng tinh thể rắn, màu trắng nghi là ma túy.

-01 (một) cây kéo, loại kéo y tế đã qua sử dụng.

-01 (một) bật lửa đã qua sử dụng.

-01(một) mảnh nhựa không rõ hình dạng, kích thước (1,7x1)cm.

3/Về án phí:

Áp dụng: Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 21 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Lê Văn K** phải chịu 200.000đồng án phí HSST.

Bị cáo **Trần Quang T** phải chịu 200.000đồng án phí HSST.

Bị cáo **Lê Thanh S** phải chịu 200.000đồng án phí HSST.

Bị cáo **Nguyễn Thanh T2** phải chịu 200.000đồng án phí HSST.

4/Quyền kháng cáo:

Các bị cáo **K, T, T2, S** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CQCS Điều tra CA thị xã Cai Lậy;
- THADS thị xã Cai Lậy;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền